

Số: 2684/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

SỐ ĐẾN	9153
VĂN BẢN	
ĐIỆN TỬ	NGÀY: 09/10/2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTNMT ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên nước,

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước và Chánh Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2023.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: các Thủ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TNN, VPB (KSTTHC).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.004938	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn	- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023	Tài nguyên nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023	Tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường

Phần II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sau đây gọi tắt là Văn phòng Một cửa (số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội) hoặc bản điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <https://dvc.monre.gov.vn>.

Đối với hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử, thành phần hồ sơ phải nộp là các bản sao chứng thực điện tử.

b) Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ:

Văn phòng Một cửa có trách nhiệm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Cục Quản lý tài nguyên nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm thẩm định và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

d) Bước 4: Quyết định cấp phép:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép quyết định cấp giấy phép gia

hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 06, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

đ) Bước 5: Thông báo kết quả:

Văn phòng Một cửa trả Giấy phép đã được cấp cho tổ chức, cá nhân hoặc gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Văn phòng Một cửa trả Giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí thẩm định theo quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 04, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);

(2) Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT);

(3) Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài đơn và bảng tổng hợp công trình, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:

Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.

Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);

(4) Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép, ngoài đơn và bảng tổng hợp công trình, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề theo quy định (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).

1.4. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 16 ngày làm việc. *

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý tài nguyên nước có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- *Quyết định cấp phép:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

Trường hợp không chấp nhận cấp phép, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thụ lý hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép.

- *Trả Giấy phép:* Văn phòng Một cửa trả Giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí thẩm định theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Cục Quản lý tài nguyên nước.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thủ tục cấp Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) hành nghề khoan dưới nước có quy mô lớn theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT. *

1.8. Phí thẩm định: theo Thông tư số 01/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện và theo quy định hiện hành.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (*Mẫu số 04* Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

- Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo *Mẫu số 05* ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT);

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (theo *Mẫu số 02* ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);

- Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô lớn (*Mẫu số 06* Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn có đủ các điều kiện sau đây:

- Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Người đứng đầu tổ chức (Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc) hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 03 (ba) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm trở lên.

Kinh nghiệm công tác: người phụ trách kỹ thuật của đề án, báo cáo có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 03 đề án, báo cáo.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Thông tư số 01/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện.

- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên nước.

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN
NƯỚC DƯỚI ĐẤT CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ
THUẬT**

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Số Chứng minh nhân dân /Căn cước công dân /Định danh cá nhân, ngày cấp, nơi cấp:
5. Nơi đăng ký thường trú:
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan nước dưới đất:
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan nước dưới đất như sau:
 - Công trình có lưu lượng dưới 200 m³/ngày:(số công trình);
 - Công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đến 3000 m³/ngày: ... (số công trình);
 - Công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày trở lên:(số công trình);
10. Thống kê các công trình đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Thông tin về công trình đã thực hiện				Thời gian thực hiện (2)	Chủ công trình (3)
	Tên công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m ³ /ngày đêm	Vai trò trong việc thực hiện (1)		
1						
2						
3						
...						

(Kèm theo giấy tờ chứng minh đã tham gia thiết kế, lập đề án, báo cáo, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công đối với các công trình khoan nước dưới đất kê khai trong bảng nêu trên).

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai nêu trên là đúng sự thật./.